

Bản án số: 78/2022/DS-ST
Ngày: 16 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Trịnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1965

Trú tại: Ấp 3, xã K, huyện UM, tỉnh C (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1960

Trú tại: Ấp 3, xã K, huyện UM, tỉnh C (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2022 và tại phiên tòa bà Đặng Thị T trình bày:

Giữa bà T và ông Đ có quen biết nhau nên vào ngày 12/3/2021, bà T có cho ông Đ mượn số tiền 50.000.000 đồng, trong đó 40.000.000 đồng để ông Đ cải tạo đất và 10.000.000 đồng trả tiền thuê đất, ông Đ có làm biên nhận với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận vài tháng sau ông Đ trả tiền lại bà nhưng Đ nay ông Đ không trả, bà T yêu cầu ông Đ trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản hòa giải của Tòa án ngày 25/7/2022 và tại phiên tòa ông Đặng Văn Đ trình bày:

Giữa ông và bà T có quen biết nhau, ông có tìm người dùm cho bà T cổ phần đất của bà T, sau khi cổ đất bà T mượn lại, bà T có đưa cho ông

40.000.000 đồng để cải tạo phần đất bà T mượn lại và phần đất của ông và tiền 10.000.000 đồng để trả tiền thuê đất, tổng cộng là 50.000.000 đồng, ông có làm biên nhận cho bà T, thỏa thuận sau khi thu hoạch sẽ lấy tiền cùng nhau chuộc lại phần đất đã cố nhưng do làm ăn không hiệu quả nên chưa chuộc lại đất. Ông Đ đồng ý trả lại bà T số tiền 50.000.000 đồng nhưng hiện nay chưa có tiền trả, ông Đ yêu cầu vài năm nữa có tiền ông sẽ trả cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị T, khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn Đ trả tiền, xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Thị T và ông Đặng Văn Đ cùng xác định ông Đ có nhận của bà T số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận vào ngày 12/3/2021 nhưng Đ nay ông Đ chưa hoàn trả lại cho bà T. Bà T yêu cầu ông Đ trả lại, còn ông Đ cho rằng ông đồng ý trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng nhưng hiện tại chưa có tiền trả cho bà T yêu cầu vài năm nữa ông có tiền sẽ trả lại cho bà T, bà T không đồng ý. Xét yêu cầu của bà T và ông Đ nhận thấy ông Đ thừa nhận có nợ của bà T số tiền 50.000.000 đồng, chưa hoàn trả lại cho bà T nên yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận. Riêng yêu cầu của ông Đ có quyền thỏa thuận với bà T ở giai đoạn thi hành án. Do đó, buộc ông Đặng Văn Đ trả cho bà Đặng Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của bà Đặng Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010550 ngày 08.6.2022, trả lại cho bà T.

Án phí có giá ngạch trên số tiền ông Đặng Văn Đ phải trả cho bà T là 50.000.000 đồng $\times 5\% = 2.500.000$ đồng. Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc yêu cầu ông Đặng Văn Đ trả tiền.

- Buộc ông Đặng Văn Đ trả cho bà Đặng Thị T số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Đặng Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Văn Đ chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Đ còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Đặng Thị T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010550 ngày 08.6.2022, trả lại cho bà T.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Đặng Văn Đ phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

